TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRÀ ÔN** **TỈNH VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 126/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 21-9-2022
V/v ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRÀ ÔN, TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Thúy An**.

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Ông **Trần Văn Chiểu**.

2/ Bà **Nguyễn Thị Cẩm**.

- Thư ký phiên tòa: Bà **Phan Nguyễn Mộng Cầm** –Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long.

Ngày 21 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 321/2022/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 7 năm 2022 về việc *"Ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 129/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 8 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Phạm Thị T**, sinh năm 1981. (vắng mặt)

2. Bị đơn: Anh **Nguyễn Văn H**, sinh năm 1974. (vắng mặt)

Cùng địa chỉ cư trú: ấp N, xã T, huyện T, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai ngày 20/6/2022 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Phạm Thị T trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Văn H thành hôn vào năm 1999 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Vĩnh Long vào ngày 30/10/2000. Thời gian chung sống được khoảng 23 năm thì phát sinh mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, do cuộc sống không còn hợp nhau nữa, bất đồng quan điểm sống, anh H thường xuyên nhậu nhẹt về quậy hoạn, mắng chửi, đánh đập chị và vợ chồng ly thân từ tháng 12/2017 đến nay. Nay mâu thuẫn ngày càng trầm trọng hơn, không thể tiếp tục chung sống với nhau được nữa, mục đích hôn nhân không đạt được, chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với anh Nguyễn Văn H.

- Về con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Thị Hồng G, sinh ngày 15/9/1997 và Nguyễn Thị Ngọc M, sinh ngày 10/9/1999 hiện đã trưởng thành, không thuộc trường hợp phải cấp dưỡng nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền, quan hệ tranh chấp: Căn cứ đơn khởi kiện chị Phạm Thị T yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long giải quyết ly hôn với anh Nguyễn Văn H cư trú tại ấp N, xã T, huyện T, tỉnh Vĩnh Long. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án có quan hệ tranh chấp là "Ly hôn" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long.

[1.2] Nguyên đơn chị Phạm Thị T có đơn xin vắng mặt ngày 26/8/2022, bị đơn anh Nguyễn Văn H được triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa sơ thẩm nhưng bị đơn vẫn vắng mặt lần thứ hai không lý do. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227 và khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân:

Chị Phạm Thị T và anh Nguyễn Văn H thành hôn có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Vĩnh Long cấp giấy chứng nhận kết hôn số 65 vào ngày 30/10/2000 nên xem quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh H là hợp pháp.

Xét trong quá trình chung sống vợ chồng giữa chị T và anh H thời gian đầu sống rất hạnh phúc, sau phát sinh mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cự cải, cuộc sống không còn hợp nhau do anh H thường xuyên uống rượu về chửi bới, đánh đập chị T và vợ chồng đã ly thân từ tháng 12/2017 đến nay không hàn gắn lại được. Sau khi Tòa án thụ lý đã ra giấy triệu tập hợp lệ để Toà án hoà giải giúp đở đoàn tụ nhưng anh H vắng mặt không lý do. Như vậy cho thấy tình cảm giữa chị T và anh H không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên xét yêu cầu ly hôn của chị T là có cơ sở phù hợp Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: Các con chung của chị Phạm Thị T và anh Nguyễn Văn H tên Nguyễn Thị Hồng G, sinh ngày 15/9/1997 và Nguyễn Thị Ngọc M, sinh ngày 10/9/1999 hiện đã trưởng thành, không thuộc trường hợp phải cấp dưỡng, chị Phạm Thị T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Chị Phạm Thị T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[2.4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Phạm Thị T phải nộp 300.000đ án phí ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và tại Điều 6, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227 và khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 6, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn chị Phạm Thị T. Xử cho chị T ly hôn với anh Nguyễn Văn H.

2. Về con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Thị Hồng G, sinh ngày 15/9/1997 và Nguyễn Thị Ngọc M, sinh ngày 10/9/1999 hiện đã trưởng thành, không thuộc trường hợp phải cấp dưỡng, chị Phạm Thị T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Chị Phạm Thị T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc chị Phạm Thị T phải nộp 300.000đ *(Ba trăm ngàn đồng)* án phí ly hôn. Khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000đ *(Ba trăm ngàn đồng)* chị T đã nộp theo biên lai thu số 0014683 ngày 04/7/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trà Ôn. Chị T đã nộp đủ tiền án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9

Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận**:*
- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND huyện Trà Ôn;
- THADS huyện Trà Ôn;
- UBND xã T, huyện T, tỉnh Vĩnh Long (Giấy chứng nhận kết hôn số 65 ngày 30/10/2000);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Nguyễn Thị Thúy An